

ẢNH HƯỞNG CỦA TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO ĐẾN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THỜI LÝ, TRẦN

Tóm tắt: Hoạt động quản trị hành chính, xây dựng và thực thi pháp luật là một trong những hoạt động vô cùng quan trọng trong việc xây dựng, phát triển đất nước. Trong đó, ở mỗi thời điểm với hoàn cảnh kinh tế - xã hội khác nhau, các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi hệ thống tư tưởng nhất định. Có thể thấy rằng, triết lý từ, bi, hỷ, xả, vô ngã, tùy duyên của Phật giáo đã ảnh hưởng sâu sắc tới tư tưởng của những người xây dựng, điều hành, quản trị đất nước thời Lý, Trần. Bài viết đề cập đến một số ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đến việc xây dựng nhà nước, xây dựng và thực thi pháp luật ở Việt Nam thời Lý, Trần.

Từ khóa: Phật giáo, tư tưởng Phật giáo, thời Lý, Trần, nhà nước và pháp luật, Việt Nam.

Đặt vấn đề

Trong triết lý về xây dựng và quản trị hoạt động của Nhà nước thời Lý, Trần tồn tại những tư tưởng khác nhau, trong đó Phật giáo có những ảnh hưởng nhất định đến Nhà nước và pháp luật thời Lý, Trần. Tuy nhiên, quan sát tổng thể các chính sách nổi bật thời kỳ Lý - Trần trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, có thể thấy tư tưởng Phật giáo là nổi bật hơn cả. Ngày nay, sự phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ của xã hội Việt Nam, cũng có sự góp phần của Phật giáo. Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (sửa đổi lần thứ VII) đã nhận định rằng, Phật giáo có mục đích *phục vụ dân tộc, Tổ quốc, nhân loại và tất cả chúng sinh*. Mục đích này tương đồng với tinh thần “Phụng

* Hòa thượng, Tiến sĩ. Phó chủ tịch Hội đồng Trị sự, Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
Ngày nhận bài: 28/1/2024; Ngày biên tập: 15/2/2024; Duyệt đăng: 18/3/2024.

đạo, yêu nước, hộ quốc, an dân” của Phật giáo thời Lý, Trần. Nghiên cứu những ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo thời Lý, Trần tới xây dựng đất nước và xây dựng, thực hiện pháp luật, sẽ tạo cơ sở cho việc đánh giá một cách đúng đắn vai trò tư tưởng của đạo Phật đối với các chính sách, góp phần đưa đất nước tới sự thịnh vượng, bình yên lâu dài. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng là cơ sở để tiếp tục góp phần điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách đối với tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng trong quá trình khai thác nguồn lực của Phật giáo trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam hiện nay.

Nghiên cứu về vấn đề này đã có các tác phẩm đi trước bàn đến như: Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn Học, Hà Nội, với những bình luận về vai trò của Phật giáo với nhà nước và xã hội, đặc biệt là sự tham gia các hoạt động xây dựng Nhà nước của các thiền sư thời Lý, Trần. Tác giả Trần Hồng Liên (2010) với tác phẩm *Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh cũng trình bày vai trò của Phật giáo đối với sự phát triển của xã hội Việt Nam. Tác giả Lê Mạnh Thát cũng trình bày và bình luận nhiều sự kiện thể hiện sự đóng góp của tư tưởng Phật giáo trong đời sống chính trị, xã hội thời Lý, Trần qua nhiều tác phẩm.... Ngoài ra, còn có những tác phẩm là sách, bài nghiên cứu, của nhiều tác giả cũng đã đề cập đến chủ đề này. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu trực tiếp về ảnh hưởng của tinh thần “Phụng đạo, yêu nước, hộ quốc, an dân” của Phật giáo thời Lý, Trần với việc xây dựng nhà nước và pháp luật là không nhiều.

Để làm rõ ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đến việc xây dựng nhà nước và pháp luật thời Lý, Trần, tác giả sử dụng một số phương pháp phân tích và tổng hợp, phân loại và hệ thống, phương pháp Sử học để tổng hợp các sự kiện lịch sử có liên quan, chọn lọc các sự kiện và chứng minh sự liên quan giữa triết lý của Phật giáo với việc xây dựng nhà nước, quản trị hành chính, xây dựng, thực thi pháp luật thời Lý, Trần. Qua đó, bài viết nêu ra những đánh giá và luận giải để làm nổi bật lên các ưu điểm, đóng góp của Phật giáo thời Lý, Trần đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước ở thời kỳ đó.

1. Ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đến xây dựng Nhà nước thời Lý, Trần

1.1. Tư tưởng Phật giáo trong xây dựng nhà nước và tư tưởng trị quốc của các đời vua thời Lý, Trần

Sự kiện Lý Công Uẩn lên ngôi vua lập ra triều đại nhà Lý không thể không nhắc tới sự tham gia của thiền sư Vạn Hạnh trong lịch sử lập quốc. Từ khi lên ba tuổi Lý Công Uẩn đã được mẹ đưa đến nhà Lý Khánh Văn và được thiền sư Vạn Hạnh đánh giá: “Đứa bé này không phải người thường, lớn lên ắt có thể giải nguy gỡ rối, làm bậc minh chủ trong thiên hạ” [Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993: 1b]. Cũng theo *Việt Nam Phật giáo sử luận*, chính quốc sư Vạn Hạnh – thầy của Lý Công Uẩn - là người thuyết phục vua dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long năm 1010 để bảo vệ nền độc lập lâu dài. Bài “Chiếu Dời đô” của Lý Thái Tổ mang nhiều hơi hướng phong thủy là do thiền sư Vạn Hạnh thảo, đồng thời, thiền sư cũng là người thiết kế họa đồ cho kinh thành Thăng Long. Lý giải cho ý kiến này, tác giả Nguyễn Lang cho rằng, thiền sư Vạn Hạnh là bậc đàn em của thiền sư Pháp Thuận và đã từng cùng với thiền sư Pháp Thuận phò tá cho vua Lê Đại Hành. Thiền sư Vạn Hạnh là người rất giỏi về chính trị, đã sử dụng sấm vĩ rất tài tình trong cuộc cách mạng bất bạo động đưa Lý Công Uẩn lên ngôi vua. [Xem: Nguyễn Lang, 1992: 115].

Sự kiện thần bí nhưng được nhiều sách sử chính thống ghi lại là sự kiện thiền sư Từ Đạo Hạnh thác sinh thác hóa thành Dương Hoán, sau làm vua Lý Thần Tông. *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép: Năm Nhâm Thìn 1112, bấy giờ vua tuổi đã nhiều mà chưa có con trai nối dõi, xuống chiếu chọn con của tông thất để làm con nối. Em vua là Sùng Hiền Hầu cũng chưa có con trai, gặp nhà sư Từ Đạo Hạnh, được nghe căn dặn rằng: “Bao giờ phu nhân sắp đến ngày sinh thì báo cho tôi biết trước để cầu khẩn với sơn thần” [Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993: 16a]. Năm 1116, phu nhân của Sùng Hiền Hầu có mang, trở dạ mãi không sinh được, nhớ lời nhà sư Đạo Hạnh dặn, Sùng Hiền Hầu sai người đi báo nhà sư. Nhà sư Đạo Hạnh lập tức thay áo tắm rửa, vào hang núi trút xác mà qua đời. Sau đó phu nhân sinh con trai, tức là Dương Hoán [Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993: 17b]. *Đại Việt sử lược* cũng chép sự

kiện nhà sư Từ Đạo Hạnh trút xác, Dương Hoán chào đời và ghi lại lời đồn về việc Dương Hoán chính là do nhà sư Từ Đạo Hạnh hóa xác. Ngoài ra, *Đại Việt sử ký toàn thư* còn chép năm 1063 khi vua Lý Thánh Tông đã 40 tuổi nhưng chưa có con trai nối dõi, có sai Chi hậu nội nhân Nguyễn Bông làm lễ cầu tự ở chùa Thánh Chúa và sau một thời gian thì Ý Lan phu nhân sinh được hoàng tử Càn Đức sau làm vua Lý Nhân Tông. Nhà sư dạy cho Nguyễn Bông thuật đầu thai thác hóa...[Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993: 3a] (một số tài liệu khẳng định nhà sư trụ trì chùa là pháp sư Đại Điền) [Lê Mạnh Thát (dịch), 1999: 117]. Như vậy, lịch sử ghi nhận dù là ở dạng thần tích hay sự kiện có thật thì đều nhắc đến sự kiện hóa xác từ một nhà tu hành đắc đạo trở thành một vị vua trị vì đất nước, hay các sự kiện như vua cho người lập đàn nhờ các nhà sư cầu tự, sử dụng thần thông để giúp vua có người nối dõi sự nghiệp trị vì đất nước thời Lý. Điều đó nói lên tinh thần nhập thế của Phật giáo trở thành tiêu biểu và được lịch sử đánh giá cao trong bối cảnh nhiều hệ tư tưởng của nhiều tôn giáo, nhiều tầng lớp cùng đan xen trong quản lý và điều hành đất nước.

Đến thời kỳ nhà Trần, sự xuất hiện các vị vua xuất gia, làm cư sĩ đã làm cho lịch sử Nhà nước phong kiến Việt Nam nói chung và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng trở nên đặc biệt. Vua Trần Thái Tông lên ngôi năm tám tuổi, tự nghiên cứu kinh sách, giáo lý Phật giáo và được sự giúp đỡ của các thiền sư Giác Hạnh, thiền sư Túc Lự, Ứng Thuận, Đại Đăng, thiền sư Thiên Phong người Trung Quốc... Vua Trần Nhân Tông xuất gia năm 1299, trở thành người truyền thừa chính thức của phái Yên Tử, tiếp nối ngũ tổ là thiền sư Huệ Tuệ. Vua Trần Anh Tông góp phần xây dựng cho sự phát triển của giáo hội. Vua Trần Minh Tông là con thứ tư của vua Anh Tông cũng chuyên trì ăn chay, học Phật... Như vậy, có thể nói rằng, những vị vua xuất gia và hộ đạo trong đạo Phật đã gây lên tiếng vang lớn, đưa tư tưởng Phật giáo trở thành yếu tố tâm lý liên kết, đoàn kết toàn dân trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tư tưởng Phật học của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần từ khi ra đời không chỉ đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng hoàng pháp độ sanh, mà còn có một vị trí rất đặc biệt trong sự nghiệp phát triển đất nước Đại Việt. Để đạt được những điều này, ngoài yếu tố con người, thì sự kết hợp bởi hai

yếu tố tư tưởng Phật học và định hướng hoàng pháp của Phật giáo Trúc Lâm chính là những yếu tố quyết định cho sự lan tỏa của Phật giáo Trúc Lâm, ảnh hưởng tích cực vào đời sống xã hội. Nói về tư tưởng, chính vì Phật giáo Trúc Lâm là sự hợp nhất ba dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường, nên đã hội tụ và dung hợp được nguồn minh triết của ba thiền phái vốn du nhập từ Ấn Độ và Trung Hoa. Từ sự hội tụ tinh hoa đó đã tỏa ra bốn luồng tư tưởng thâm sâu nhưng lại rất thiết thực gần gũi với đời sống hằng ngày của người dân Việt. Đó chính là tư tưởng “Thiền tùy tục” của thiền sư Thường Chiếu; “Biện tâm” của Trần Thái Tông; “Hòa quang đồng trần” của Tuệ Trung Thượng sĩ và “Cư trần lạc đạo” của Phật hoàng Trần Nhân Tông. Từ yếu tố tâm lý dung thông hoà hợp, đoàn kết đó đã góp phần thúc đẩy hình thành bản lĩnh của toàn dân tộc trong đời sống và trong chiến tranh vệ quốc, sẵn sàng vị quốc vong thân, xả thân vì xã tắc khi cần thiết, để gìn giữ độc lập cho dân tộc. Do vậy, mà hào khí Đông A của thời đại nhà Trần đã làm nên những thành công vang dội trên mặt trận bảo vệ tổ quốc, chống ngoại bang xâm lược. Bên cạnh đó, các chính sách trị quốc của các bậc quân vương thời Lý, Trần đa số đều hướng tới hạnh phúc của nhân dân, các vị vua với tư tưởng vô ngã không tham đắm quyền lực nên đất nước thanh bình. Nhân dân được hưởng những lợi ích thiết thực nên kinh tế, xã hội phát triển bền vững hơn. Tư tưởng này chính là sự ứng dụng tư tưởng bát nhã và đồng thời cũng là một cách nhập thế tu hạnh bồ tát với lòng từ bi nhập thế để hộ quốc, an dân, cứu khổ, cứu nạn của Phật giáo.

1.2. Tư tưởng Phật giáo trong việc tham gia các hoạt động quản lý nhà nước

Tổ chức bộ máy Nhà nước thời Lý, Trần mang những đặc trưng cơ bản của bộ máy nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. Đứng đầu bộ máy là nhà vua, người nắm trọn quyền lực nhà nước, bao gồm các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và cả thần quyền.

Ở Trung ương, hệ thống quan đại thần có chín quan văn và ba quan võ gồm: tam thái (thái sư, thái phó, thái bảo); tam Thiếu (thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo); tam Tư (tư đồ, tư mã, tư không). Các quan võ gồm: Thái úy, thiếu úy, bình chương sự. Dưới thời Lý, Trần, các quan

chức đại thần thường được phong cho hoàng thân quốc thích. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*, chức thượng thư đặt ra bắt đầu từ thời Lý nhưng tên các bộ chia đặt thế nào chưa rõ. Triều Trần, theo phép ấy đặt chức thượng thư hành khiển, thượng thư hữu bật. Sau vào đời Đại Khánh (1314 – 1323) và đời Quang Thái (1388 – 1398) mới chia ra thượng thư các bộ. Các bộ là những cơ quan thực thi quyền hành pháp do nhà vua giao trong lĩnh vực cụ thể; đồng thời, có chức năng tư vấn cho nhà vua trong lĩnh vực mà bộ quản lý. Đứng đầu mỗi bộ là thượng thư, chức phó là thị lang. Ngoài ra, ở trung ương còn có các cơ quan chuyên môn độc lập với các bộ gồm các đài, viện, giám, phủ (Quốc sử viện có chức năng chép sử cho triều đình; Tam ti viện gồm ba viện Phụng Tuyên, Thanh Túc, Hiến Chính) coi việc hình ngục; Quốc tử giám đào tạo nho sĩ và trông coi văn miếu; Quốc học viện đào tạo sĩ tử và quan lại dành riêng cho con em giới quý tộc; Giảng võ đường đào tạo quan võ; Tôn chính phủ giữ việc soạn gia phả cho nhà vua). Ngoài ra, còn một số cơ quan khác chưa rõ chức năng như Nội thư hỏa cục, Chi hậu cục, Thái chúc ti...

Ở địa phương, có nhiều lần sửa đổi đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương. Lần thứ nhất, Lý Thái Tổ tổ chức địa phương thành các lộ. Đứng đầu lộ là thông phán, đứng đầu trại là chủ trại. Lộ, trại được chia thành các phủ (miền xuôi) và các châu (miền núi), đứng đầu là tri phủ, tri châu. Dưới phủ, châu là các hương, xã, sách. Lần thứ hai, vua Trần Thái Tông chia nước làm 12 lộ, đặt chức an phủ hoặc trấn phủ chánh phó hai viên để cai trị. Các xã, sách thì đặt chức đại, tiểu tư xã, từ ngũ phẩm trở lên là đại tư xã, từ lục phẩm trở xuống là tiểu tư xã hoặc có người kiêm nhiều xã cùng xã chính, xã xử, xã giám gọi là xã quan. Lần thứ ba, vua Trần Thuận Tông định quy chế quan ngoài, lộ đặt chức an phủ sứ và phó sứ; phủ đặt chức trấn phủ sứ và phó sứ, châu đặt chức thông phán và thiêm phán, huyện đặt lệnh úy, chủ bạ. Lộ coi phủ, phủ coi châu, châu coi huyện.

Từ mô tả tổng quát nêu trên, có thể thấy trong tất cả các chức danh hành chính cũng như tổ chức bộ máy các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, đều không thấy xuất hiện các cơ quan, chức vụ chính thức liên quan đến tôn giáo, trong đó có Phật giáo. Mặc

dù trong các tài liệu lịch sử có ghi nhận hệ thống tăng ban với các chức vụ quốc sư, hệ thống tăng thống, tăng lục..., nhưng theo tác giả, đây chỉ là các chức vụ trong giáo hội và tăng ban không phải là cơ quan quản lý hành chính của đất nước, các chức vụ (nếu có) không phải là các chức vụ trong cơ quan hành chính. Ví dụ, trên bước đường hoàn thiện và phát triển của Phật giáo Trúc Lâm, tạo nền tảng cơ bản cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh, một điểm nhấn ấn tượng rất lớn trong công tác quản lý hành chính sơ khai của Phật giáo Việt Nam là việc thiền sư Pháp Loa đã tiến hành công việc quy định các chức vụ trong Giáo hội, kiểm tra tự viện và làm sổ tăng tịch. Có thể nói đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, Tăng sĩ có hồ sơ tại Giáo hội Trung ương, từ đây Giáo hội mới có thể ghi nhận và xác định mức độ tăng trưởng của Phật giáo một cách tương đối chính xác. Trong *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tác giả Nguyễn Lang đã ghi: “Tính đến năm 1329, số tăng sĩ đã được xuất gia trong những giới đàn do Giáo hội Nhất Tông (Trúc Lâm) tổ chức dưới quyền lãnh đạo của Pháp Loa là trên 15.000 vị” [Nguyễn Lang, 1992: 265]. Thông qua nguồn sử liệu thì cứ mỗi lần tổ chức thọ giới, còn có đến hàng nghìn người được quy y. Thọ Bồ tát giới tại gia hay xuất gia, riêng giới xuất gia, do số lượng tham gia thọ giới ngày càng tăng, nên về sau có sự hạn chế ba năm mới tổ chức một lần, mỗi giới đàn chỉ giới hạn 3000 tăng, ni. Vậy mà số lượng tăng, ni lên đến hàng vạn người. Điều này chứng tỏ từ ngày giáo hội Trúc Lâm chính thức đi vào hoạt động, thì nhân sự Phật giáo thời bấy giờ đã trở thành lực lượng hùng hậu, là nhân tố tích cực khiến cho Phật giáo thời Trần ngày càng lan tỏa sâu rộng trong lòng dân tộc. Cũng theo *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tác giả ghi lại nhiều sự kiện: Thiền sư Không Lộ từng là bạn với Thiền sư Giác Hải và Đạo Hạnh. Thiền sư Không Lộ đã từng được mời chữa bệnh cho vua Lý Thần Tông. Thiền sư Giác Hải cũng được cùng với thiền sư Thông Huyền được vua Lý Nhân Tông mời vào cung. Thiền sư Viên Thông từng trao đổi với vua Lý Thần Tông về lễ trị loạn. Các thiền sư Viên Thông, Nguyễn Thường cố vấn và can gián các nhà vua trong nhiều sự kiện. Quốc sư Viên Chứng khi được vua hỏi đã nói về những nguyên tắc hướng dẫn đời sống của một nhà chính trị đồng thời là Phật tử như sau: “Đã làm người phụng sự dân thì phải lấy cái muốn của dân làm của mình, phải lấy ý

của dân làm của mình, trong khi đó không xao nhãng việc tu học của bản thân” [Nguyễn Lang, 1992: 325].... *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng chép ngày vua Anh Tông ốm nặng sắp băng hà, Bảo Từ Hoàng thái hậu cho người đi mời Phổ Tuệ Tôn Giả (Pháp Loa) tới làm phép quán đĩnh và lập đàn chay cầu nguyện [Nguyễn Lang, 1992: 269].

Như vậy, lịch sử ghi lại việc các nhà sư thường được các nhà vua mời tham vấn các ý kiến trong quản trị quốc gia, tiến hành các nghi lễ tôn giáo nhà nước, dạy học, đào tạo các nhân tài cho đất nước... nhưng lại không giữ chức vụ hành chính chính thức nào. Đồng thời các nhà sư cũng không sinh hoạt chính trị trong tổ chức chính trị nào thuộc bộ máy quản trị hành chính quốc gia [Nguyễn Lang, 1992: 154].

Có thể thấy, tư tưởng nhập thế, vô ngã, tùy duyên phụng sự của Phật giáo Việt Nam thời Lý, Trần của các thiền sư trong hoạt động quản lý nhà nước thể hiện rõ qua việc các thiền sư tham gia, thậm chí là tham gia sâu vào đời sống chính trị nhưng không giữ chức vụ hành chính, quản lý, mà chỉ sinh hoạt ở chùa, khi cần thiết mới xuất hiện. Đây cũng chính là một trong những cách thức thúc đẩy vai trò và sự phát triển hưng thịnh của Phật giáo, nhưng vẫn hòa hợp với các tôn giáo, hệ tư tưởng khác cùng thời.

2. Ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đến việc xây dựng và thực thi pháp luật thời Lý, Trần

2.1. Tư tưởng Phật giáo trong xây dựng pháp luật thời Lý, Trần

Trước hết cần phải khẳng định việc ban hành và quản trị đất nước bằng pháp luật không phải là chủ trương do Phật giáo khởi xướng, mà xuất phát từ tư tưởng pháp trị đã có từ thời Xuân thu Chiến quốc, ảnh hưởng lâu dài đến các nhà nước thời Bắc thuộc cho đến Nhà nước phong kiến độc lập sau này, bao gồm cả nhà Lý, Trần. Các tài liệu pháp luật thời Lý, Trần phần nhiều đã thất truyền nhưng từ những sự kiện còn được ghi lại trong các tài liệu lịch sử cho thấy sự phong phú về nội dung và đa dạng về hình thức văn bản pháp luật. Tuy nhiên, các chính sách pháp luật được ghi lại có rất nhiều điểm thể hiện tinh thần Phật giáo.

Nhà Lý đã mở đầu cho công cuộc xây dựng bộ luật thành văn thống nhất đầu tiên của nước ta, đánh dấu thành tựu to lớn trong lịch sử pháp luật Đại Việt, thông qua công trình pháp điển hóa là bộ *Hình thư*, ban hành năm 1042 do vua Lý Thái Tông yêu cầu soạn. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Ban hình thư. Trước kia việc kiện tụng trong nước phiền nhiễu, quan lại giữ luật pháp trong nước luật văn, cốt làm cho khắc nghiệt thêm, thậm chí nhiều người bị oan uổng quá đáng. Vua lấy làm thương xót, sau trung thư san định luật lệnh, châm chước cho thích ứng với thời thế, chia ra môn loại, biến thành điều khoản, làm thành sách hình thư của một triều đại để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong xuống chiếu ban hành, dân lấy làm tiện” [Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993: 31a].

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, vào năm 1230, Trần Thái Tông cho soạn *Quốc triều thông chế* và sau nhiều lần chỉnh sửa ban hành gọi là *Quốc triều hình luật*. Năm 1244, định các điều về luật hình. Năm 1341 vua sai Trương Hán Siêu và Nguyễn Trung Ngạn biên định bộ *Hoàng Triều đại điển* và khảo soạn bộ *Hình thư*. Như vậy triều Trần đã nhiều lần sửa đổi bộ hình luật, tuy nhiên bộ hình luật này cũng bị thất truyền [Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993].

Ngoài bộ luật được pháp điển hóa công phu nêu trên, việc xây dựng pháp luật thời Lý, Trần còn được thể hiện qua thành tựu tập hợp hóa pháp luật – các tập luật lệ. Ngoài bộ *Hình thư*, dưới triều Trần còn có *Quốc triều thông chế/Quốc triều hình luật* (1230) quy định về tổ chức quan lại và quy chế hành chính; *Quốc triều thường lễ* (1230); *Hoàng triều đại điển* (1341); *Hoàng triều ngọc điệp* (1267); *Công văn cách thức* (1290). Đây là những tập luật lệ chủ yếu điều chỉnh lĩnh vực tổ chức nhà nước và hành chính. Những tập luật lệ này cũng chỉ được nhắc tới trong một số tài liệu lịch sử như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lịch triều hiến chương loại chí* và cũng đã thất truyền.

Các tài liệu được ghi lại rõ ràng nhất có lẽ phải kể đến các *Lệnh* và các *Chiếu* của nhà vua. Trong đó có nhiều chính sách trực tiếp hoặc gián tiếp thể hiện tinh thần từ, bi, hỉ, xả của nhà Phật như: Năm 1042 vua Lý Thái Tông xuống chiếu cho phép người già 70 – 80 tuổi, trẻ em 10 - 15 tuổi, người ốm yếu, thân thuộc nhà vua từ hạng đại công

(để tang 9 tháng) trở lên nếu phạm tội thì cho chuộc bằng tiền trừ khi phạm tội thập ác. Năm 1117 và năm 1123, vua nhà Lý ban Chiếu cấm lạm sát trâu bò. Năm 1398 vua nhà Trần xuống Chiếu cho phép dùng ruộng đất chuộc tội...[Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993].

Ngoài ra còn có nhiều lệnh, chiếu chỉ khác được nhà vua ban hành trong hoạt động quản trị đất nước liên quan đến các vấn đề của đời sống như chính sách về thuế, về kinh tế, quy định lễ nghi, xét xử các tội phạm... Nhưng nhìn chung, không có các hình phạt tàn khốc như ở nhiều triều đại khác. Ví dụ, năm 968 vua Đinh Tiên Hoàng muốn dùng uy chế ngự thiên hạ, đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ trong cũi, hạ lệnh rằng kẻ nào trái phép phải chịu tội bỏ vạc dầu, cho hổ ăn [trích theo: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, (t.1)*, 1960: 248]. Trong khi đó, các chiếu chỉ, lệnh thời Lý, Trần ghi lại hình phạt nặng nhất là giết bỏ (đối với tội đặc biệt nghiêm trọng), thích chữ vào mặt, buộc lao động... Nhìn chung, pháp luật thời kỳ trước ngoài việc mang bản chất là nền pháp luật sơ khai của nhà nước tự chủ, sơ sài, phiên dịch, được ra đời trong tình hình đất nước phải tập trung cho việc bình định chống cát cứ và chống ngoại xâm là chính, nên pháp luật thời này vẫn còn mang nặng tính trừng phạt nặng nề. Trái lại, tư tưởng chủ đạo chi phối, ảnh hưởng đến việc ban hành các quyết sách của nhà vua trong giai đoạn Lý, Trần truyền tải tinh thần từ bi, hỉ, xả, trí tuệ của Phật pháp trong quản trị nhà nước và ban hành pháp luật nên vấn đề con người được đề cao, mục đích của pháp luật được ban hành ra là để vận hành xã hội, hòa bình, ổn định, phát triển, vì hạnh phúc của số đông.

Vua Trần Nhân Tông đã khẳng định đường lối trị nước của mình: “Nhà chính trị phải thực hiện đạo Phật trong xã hội” [Nguyễn Lang, 1992: 325]. Để thực hiện điều này, vua Trần Nhân Tông đã đi khắp làng quê đến phố thị khuyên dân chúng phá bỏ lầu xanh, kĩ viện, giữ gìn giới luật, tu hành thập thiện. Bên cạnh nỗ lực của các vua Trần là cả một triều đình ủng hộ Phật giáo. Thời bấy giờ nhờ ảnh hưởng của các ông vua Phật tử mà cả Nho giáo lẫn Đạo giáo cũng dung hòa theo Phật giáo khi nhận ra những lợi ích lớn lao mà Phật giáo đã đem lại cho dân tộc. Các vua Trần Thái Tông và Trần Thánh Tông đã chủ động mở rộng Nho học, để Đạo giáo và Nho giáo tự do phát triển. Có

thể nói, đây cũng là những ưu điểm của Phật giáo nhà Trần trên tinh thần tự do và khoan dung đặc biệt. Chính sự linh động mềm dẻo và khoan dung này mà các vua Trần đã nhận được sự đồng tâm hiệp lực của khối đại đoàn kết dân tộc, tất cả đều hết lòng cùng triều đình chống lại giặc ngoại xâm, hết lòng phụng sự Tổ quốc, xây dựng và phát triển đất nước. Về phương diện chính trị, các vua Trần thực chất đa phần đều là những hành giả của thiên tông Phật giáo, thân thì làm vua nhưng tâm họ vốn đã xuất gia. Nói như vậy để chúng ta dễ dàng nhận ra, nền chính trị nhà Trần là nền chính trị được thực thi bởi những ảnh hưởng tư tưởng và tinh thần Phật giáo từ những người con Phật ngồi ở ngai vàng và Phật giáo Trúc Lâm chính là chiếc cầu nối vô cùng quan trọng để các vua Trần liên kết nhân tâm. Nhờ ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng từ bi và tinh thần vị tha vô ngã của đạo Phật, nền chính trị nhà Trần áp dụng đã thể hiện rõ ba nét đặc trưng: bình dị, thân dân, dân chủ. Tinh thần “bình dị, thân dân, dân chủ” được các vua Trần áp dụng triệt để. Năm 1284, trước vó ngựa dòn dập của quân xâm lược Nguyên - Mông, Thái thượng hoàng và vua Trần Nhân Tông đã tổ chức Hội nghị Diên Hồng, mời tất cả bô lão gần xa đến tham dự để nhà vua được nghe tiếng nói của dân. Hoặc mỗi khi có việc phải ra ngoài thành, thay vì tiền hô hậu ủng thì các vua Trần thường dừng lại ân cần hỏi thăm dân chúng, chào hỏi những bậc cao niên. Vào những năm mất mùa, dân tình lâm vào cảnh thiếu trước hụt sau, nhà vua ngoài việc úy lạo còn đứng ra vận động những nhà giàu có đóng góp lúa gạo để phát cho dân nghèo, thậm chí còn chế cả thuốc men để chữa bệnh cho dân. Có thể nói, trên đây chỉ là một vài trong vô số phương cách trị quốc, an dân của vua Trần, mà ở đó đức từ bi và khoan dung luôn ngự trị trong đường lối trị quốc của nhà Trần.

2.2. Tư tưởng Phật giáo trong thực thi pháp luật thời Lý, Trần

Về hành chính, năm 1074, vua Lý Nhân Tông xuống chiếu: Các công thần 80 tuổi đều được chống gậy ngồi ghế khi vào chầu. Năm 1147 vua Lý Anh Tông xuống chiếu cho Đỗ Anh Vũ đi phủ Phú Lương khảo xét quan liêu và định số mục hộ tịch. Ngoài ra còn có nhiều chiếu giảm, miễn thuế cho dân, các chiếu khác điều chỉnh quy tắc chung khác của xã hội.

Về hình sự, *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại một số lần các Vua trực tiếp xử án nhưng có những điểm rất đặc biệt mà hiếm có thời nào có được. Năm 1017, vua Lý Công Uẩn xuống chiếu từ nay trở đi phạm nhân dân trong nước ai có việc kiện tụng gì, đều giao cho Khai Hoàng Vương xử đoán rồi tâu lên, lại cho lấy điện Quảng Vũ làm nơi Vương xử kiện. Năm 1064, vua xử kiện ở điện Thiên Khánh có chỉ rằng: “Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân. Dân không hiểu biết mà mắc vào hình pháp, trầm thương xót, từ nay về sau không cứ gì tội nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giảm” [Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993: 3b]. Năm 1096, vua tha cho thái sư Lê Văn Thịnh có phép thuật kỳ lạ, mượn thuật ấy toan làm chuyện thí nghịch. Do nhà vua nghĩ Lê Văn Thịnh là đại thần có công giúp đỡ nên không nỡ giết, đày lên trại đầu Thao Giang. Về sự kiện này, sử gia Ngô Sĩ Liên bình luận “Kẻ làm tội, phạm tội giết vua cướp ngôi mà được miễn tội chết, thế là sai trong việc hình, lỗi ở vua tin sùng đạo Phật” [Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993: 13].

Năm 1123, nhân tiết Trung nguyên tháng Bảy, vua Lý Nhân Tông ngự điện Thiện An. Do là ngày Vu Lan bồn cầu siêu nên vua xuống chiếu tha cho những người phạm tội trong nước. Sự kiện này sử thần Ngô Sĩ Liên bình luận trong *Đại Việt sử ký toàn thư* như sau: “Nhân Tông thường nhân việc mở hội Phật mà tha cho người có tội, là không phải lẽ, nhưng mà còn mượn tiếng hội Phật. Còn như vua Thần Tông thì không có việc gì mà cũng tha bổng. Phạm người có tội phạm pháp, có kẻ nặng người nhẹ, năm bậc hình phạt, có trên có dưới, sao lại có thể tha bổng được, nếu nhất loạt tha cả thì kẻ tiểu nhân may mà được khỏi tội, đó không phải là phúc cho người quân tử...” [Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993: 33a]. Ngoài ra, còn nhiều lần vua Lý xuống chiếu tha tù khác cho các tù nhân phạm tội khi đất nước có các sự kiện đặc biệt và cả ở những thời điểm không có sự kiện đặc biệt. Có thể thấy rằng, việc tha tội cho người tù của các nhà vua không phải là hoạt động bình thường đi vào truyền thống quản trị đất nước về hình sự. Chính những Nho gia thời điểm đó với tinh thần cũ cũng có sự phản đối chính sách mang tinh thần từ bi, nhân đạo mà sự từ bi, nhân đạo này cũng đã được các sử thần chỉ rõ là do vua ảnh hưởng bởi Phật giáo. Điều này

cũng cho thấy quyết tâm của những nhà chính trị thời Lý, Trần trong việc đưa tinh thần Phật giáo vào trị quốc, an dân.

Thời Trần, “trong quá trình xét tội, quan chức trong Hình bộ không ngại án để lâu mà cốt làm sao xét cho công minh” [Nguyễn Thị Phương Chi, 2023: 119]. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép lại sự kiện năm 1317 ghi lại sự kiện Văn Khánh là đầu sỏ bọn cướp. Có người khai là bắt được một tên cướp giải lên nộp và khai đó chính là Văn Khánh. Khi tra hỏi, người bị giải lên cũng nhận ngay, ai cũng cho là thật. Tuy nhiên, hình bộ thị lang trung Phí Trực không tin mà tâu với vua khi được hỏi: “Mạng người rất trọng, lòng tôi còn có chỗ ngờ, không dám liều lĩnh xử quyết”. Một tháng sau, tên cướp Văn Khánh thật bị bắt, vua khen Phí Trực có tài [Lê Văn Hưu và cộng sự, 1993: 34b].

Có thể thấy, ngoài việc các nhà vua quan tâm, giao việc cho các chức sắc quản lý việc xét xử, các nhà vua thường xuyên tha cho tội phạm và thực hiện các chính sách khoan hồng khác, ngay cả đối với các tội phạm phản nghịch, cho thấy việc thượng tôn pháp luật và sự nói lời trong chính sách về hình sự thời kỳ này. Việc xét xử hình sự trong pháp luật thời Lý, Trần được tiến hành thận trọng bởi nhiều cơ quan, ngoài việc trưng trị, răn đe, còn mang tính giáo dục, khoan hồng, có lòng nhân từ trong thực thi pháp luật, xét xử đúng người, hạn chế oan, sai. Mặc dù không quy định những hình phạt hà khắc, dã man như nhiều thời kỳ Nho giáo hưng thịnh, nhưng có thể thấy xã hội thời Lý, Trần vẫn yên bình, gần như không có những cuộc chém giết, tranh đoạt ngôi thứ trong nội bộ như ở nhiều thời khác. Điều này cho thấy, chính sách xây dựng Nhà nước và pháp luật của thời Lý, Trần trở lên hiệu quả và là một trong những mô hình phù hợp với bối cảnh xây dựng, phát triển đất nước.

Kết luận

Phật giáo Việt Nam trải qua nhiều giai đoạn phát triển rực rỡ, luôn đồng hành với quá trình phát triển của đất nước. Trong suốt lịch sử ấy, Phật giáo luôn thể hiện tinh thần nhập thế với những đóng góp lớn lao không những về mặt hệ tư tưởng trong xây dựng đất nước, mà còn là

những đóng góp thiết thực, cụ thể ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội được lịch sử ghi nhận.

Hệ thống tư tưởng triết học Phật giáo trong xây dựng nhà nước và pháp luật thời Lý, Trần đã góp phần quản trị đất nước và đưa đất nước thời kỳ đó phát triển ở đỉnh cao. Bên cạnh việc thực thi và ban hành các chính sách, quyết định mang tinh thần từ, bi, hỷ, xả, vô ngã của các nhà vua thời Lý, Trần, vẫn có sự đấu tranh của các tư tưởng khác như tư tưởng Nho giáo truyền thống, nhất là với các chính sách hình sự như khoan hồng với tội phạm, chính sách đối nội, đối ngoại... Tuy nhiên, sự đấu tranh giữa các lực lượng xã hội khác nhau với quan điểm triết học khác nhau cũng thể hiện mức độ dung nạp, thích ứng, hòa nhập của Phật giáo với các tôn giáo, hệ tư tưởng khác cùng thời.

Phật giáo Trúc Lâm là một tổ chức Phật giáo mang đậm nét bản sắc văn hóa dân tộc, từ khi hình thành phát triển đến nay, dường như nó đã trở thành một phần máu thịt của văn hóa Việt. Sự ra đời của Phật giáo Trúc Lâm mang ý nghĩa rất lớn về tính tự chủ và độc lập của dân tộc, cổ vũ tinh thần mọi công dân nước Việt về khả năng phát triển những giá trị văn hóa bản địa, nội sinh trong lòng dân tộc, không chỉ trên lĩnh vực tôn giáo mà còn các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị xã hội. Hơn nữa, tư tưởng Phật giáo hiện nay cũng có phần tương đồng và là sự kế thừa tư tưởng Phật giáo thời Lý, Trần. Điều này có thể thấy qua phương châm: “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội” đã được khẳng định trong bản Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam khi thành lập năm 1981./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Phương Chi (2005), “Vài nét về tình hình kinh tế thời Trần Nhân Tông (1258 – 1308), *tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 5.
2. Nguyễn Thị Phương Chi (2023), *Kinh tế xã hội thời Trần (thế kỷ XIII – XIV)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Phan Huy Chú (1992), *Lịch Triều Hiến chương loại chí*, tập IV, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. *Đại Việt sử lược* (1993), Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Trung Hiếu (2021), “Vai trò giáo dục của Phật giáo trong thời kỳ nhà Lý”, *tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, số 4.

6. Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên... biên soạn, Viện KHXHVN dịch (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư, quyển II*, Nxb KHXH, Hà Nội.
7. Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên... biên soạn, Viện KHXHVN dịch (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư, quyển III*, Nxb KHXH, Hà Nội.
8. Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên... biên soạn, Viện KHXHVN dịch (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư, quyển IV*, Nxb KHXH, Hà Nội.
9. *Kinh thương thư* (2004), Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
10. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
11. *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* (1960), tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Trần Hồng Liên (2010), *Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
13. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2008), “Phật giáo dân gian: Con đường nhập thế của Phật giáo Việt Nam”, *tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 8.
14. Thích Huệ Thông (2020), *Hương Sen*, Nxb. Đồng Nai.
15. *Tứ Thư* (2003), Nxb Quân đội nhân dân.

Abstract

INFLUENCE OF BUDDHIST THOUGHT ON STATE BUILDING AND LAWMAKING IN LY, TRAN DYNASTIES

Thích Hue Thong

Executive Council of the Vietnam Buddhist Sangha

Abstract: Administrative management, lawmaking, and law enforcement are important activities in building and developing the country. These activities are influenced by certain ideological systems in different socio-economic contexts. It can be said that the Buddhist philosophy of compassion, renunciation, and nonself had a profound influence on the thoughts of those who built and governed the country during the Ly-Tran dynasties. The article mentions some influences of Buddhist thought on State building, lawmaking, and law enforcement in Vietnam in the Ly-Tran dynasties.

Keywords: Buddhism; Ly-Tran dynasties; Vietnam; State; Law